TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 116/2023/QĐST- HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 20 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu Ô , xã V, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu Ô , xã V, huyện C, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hoàng T và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Minh Q, sinh ngày 19/10/2011 và Hoàng Đức C, sinh ngày 12/4/2014 kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị N, sinh ngày 25/7/2021 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh T và chị L có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Tài sản riêng; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh T và chị L đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Hoàng T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008255 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Khúc;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền